

Số: 829/QĐ-UBND

TP. Tuyền Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang (đợt 2)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 09/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các huyện, thành phố; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh Tuyền Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố Tuyền Quang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang;*

*Căn cứ Thông báo số 229/TB-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thông báo thu hồi đất công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang;*

*Căn cứ Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngày 09/8/2023 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố;*



Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 1069/TTr-TNMT ngày 29/12/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thu hồi tổng diện tích 1.663,9 m<sup>2</sup> đất do tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại xã Kim Phú để thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, trong đó:

**1.1.** Diện tích, loại đất thu hồi phân theo hiện trạng sử dụng đất

a) Nhóm đất nông nghiệp: 1.404,7 m<sup>2</sup>, gồm:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 1.377,5 m<sup>2</sup>

- Đất trồng cây lâu năm: 27,2 m<sup>2</sup>

b) Nhóm đất phi nông nghiệp: 259,2 m<sup>2</sup>, gồm:

- Đất ở tại nông thôn: 30,0 m<sup>2</sup>

- Đất thủy lợi: 229,2 m<sup>2</sup>

**1.2.** Diện tích, loại đất thu hồi phân theo đối tượng sử dụng đất

- Các hộ gia đình, cá nhân sử dụng: 1.420,7 m<sup>2</sup>.

- Tổ chức quản lý, sử dụng: 243,2 m<sup>2</sup>.

(Có Danh sách chi tiết kèm theo)

Ranh giới thu hồi đất được thể hiện cụ thể trên Bản đồ thu hồi đất xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang (đợt 2) tỷ lệ 1/1000 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 27/12/2023 kèm theo.

**Điều 2.** Giao trách nhiệm:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố (Chủ đầu tư), Ủy ban nhân dân xã Kim Phú thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có trách nhiệm nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) đối với nhà, đất bị thu hồi đã được cấp giấy chứng nhận để Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố thực hiện chỉnh lý hoặc thu hồi giấy chứng nhận.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có trách nhiệm thu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) của người có đất bị thu hồi khi thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, chuyển cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố để làm thủ tục thu hồi hoặc chỉnh lý theo quy định.



4. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố có trách nhiệm thực hiện chỉnh lý giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị thu hồi một phần diện tích đất) hoặc thu hồi giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị thu hồi toàn bộ thửa đất) do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chuyển đến sau khi thực hiện việc chi trả tiền bồi thường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố (Chủ đầu tư), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Phú, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (Thực hiện);
- UBND tỉnh
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND thành phố (B/cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Chủ tịch, Các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở TN&MT;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông và Thể thao thành phố;
- Hội đồng bồi thường, HT & TĐC thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố;
- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang; Văn phòng Công chứng Ma Thị Sách; Văn phòng Công chứng Đinh Thị Bích; Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền; Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Thảo;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Đề thông báo cho các Ngân hàng Thương mại biết);
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã Kim Phú;
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình;
- Các PCVP HĐND và UBND thành phố;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu: VT, TNMT. ĐC 60b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nông Thị Toản**



**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỪ UBND XÃ KIM PHÚ ĐI QUỐC LỘ 37,  
XÃ KIM PHÚ, THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG - ĐỢT 2**

*(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang)*

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất						Ghi chú
						Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			
						Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất cây lâu năm (CLN)		Đất tại nông thôn (ONT)	Đất thủy lợi (DTL)	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	13	17
	<b>TỔNG (I+II)</b>				<b>1,663.9</b>	<b>1,404.7</b>	<b>1,377.5</b>	<b>27.2</b>	<b>259.2</b>	<b>30.0</b>	<b>229.2</b>	
<b>I</b>	<b>HỘ GIA ĐÌNH</b>				<b>1,420.7</b>	<b>1,390.7</b>	<b>1,363.5</b>	<b>27.2</b>	<b>30.0</b>	<b>30.0</b>	<b>-</b>	
1	Hà Thị Hiến	Thôn 11, Kim Phú	33	2	12.3	12.3	12.3		-			
2	Vũ Thị Chín (Trần Văn Ngay)	Thôn 12, Kim Phú	110	1	104.8	104.8	104.8		-			
3	Tiêu Thị Chí	Thôn 12, Kim Phú	58	2	66.7	66.7	66.7		-			
4	Trần Hồng Ủy	Thôn 12, Kim Phú	62	2	55.9	25.9		25.9	30.0	30.0		
5	Hoàng Văn Chúng	Thôn 8, Kim Phú	109	1	150.8	150.8	150.8		-			
6	Nông Thị Thúy (Tê Văn Huy)	Thôn 8, Kim Phú	15	2	3.3	3.3	3.3		-			
7	Ma Văn Hội (Nguyễn Thị Vân)	Thôn 8, Kim Phú	8	2	50.5	50.5	50.5		-			
			9	2	54.5	54.5	54.5		-			
8	Mai Thị Thu Trang	Tổ 9, An Tường	60	2	1.3	1.3		1.3	-			
9	Phạm Thị Đức (Đào Việt Toàn)	Thôn 10, Kim Phú	23	1	53.0	53.0	53.0		-			
10	Phạm Xuân Dân	Thôn 10, Kim Phú	24	1	15.6	15.6	15.6		-			
11	Nhữ Văn Luyện	Thôn 6, Kim Phú	5	2	126.6	126.6	126.6		-			
12	Nguyễn Hữu Sáu	Thôn 11, Kim Phú	57	2	60.1	60.1	60.1		-			
		Thôn 11, Kim Phú	59	2	41.1	41.1	41.1		-			
13	Phạm Thị Hải (chồng Nguyễn Văn Cát đã chết)	Thôn 10, Kim Phú	31	1	33.2	33.2	33.2		-			
14	Nguyễn Thị Nga (Nguyễn Minh Phương)	Thôn 11, Kim Phú	54	2	37.2	37.2	37.2		-			
		Thôn 11, Kim Phú	56	2	84.3	84.3	84.3		-			
15	Phạm Văn Hưng	Thôn 12, Kim Phú	2	2	46.9	46.9	46.9		-			
16	Phạm Văn Bình (Lê Thị Oanh)	Tổ 15, phường Tân Hà	2	1	24.5	24.5	24.5		-			
17	Trần Văn Dũng	Thôn 15, kim phú	105	1	43.5	43.5	43.5		-			
18	Vương Thị Dương (Hoàng Văn Sinh)	Thôn 15, kim phú	49	1	37.4	37.4	37.4		-			
19	Phạm Thanh Nga (Nguyễn Văn Vân)	Thôn 9, kim phú	13	1	41.2	41.2	41.2		-			



STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất					Ghi chú	
						Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			
						Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất cây lâu năm (CLN)		Đất tại nông thôn (ONT)		Đất thùy lợi (DTL)
20	Trần Thị Thuận	Thôn 11, Kim Phú	94	1	29.8	29.8	29.8		-			
21	Nguyễn Thị Dìu	Thôn 12, Kim Phú	51	2	123.6	123.6	123.6		-			
22	Phạm Văn Gòong	Thôn 7, Kim Phú	21	1	30.4	30.4	30.4		-			
23	Nông Văn Lân	Thôn 22, Kim Phú	112	1	60.2	60.2	60.2		-			
24	Nguyễn Thị Nam	Thôn 11, Kim Phú	45	2	32.0	32.0	32.0		-			
<b>II</b>	<b>TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG</b>				<b>243.2</b>	<b>14.0</b>	<b>14.0</b>		<b>229.2</b>		<b>229.2</b>	
1	UBND xã Kim Phú		1	97	14.0	14.0	14.0		-		Đất 5%	
				103	13.8	-			13.8		13.8	
				62	95.5	-			95.5		95.5	
				92	20.3	-			20.3		20.3	
				118	20.0	-			20.0		20.0	
				119	79.6	-			79.6		79.6	



Số: 1069/TTr-TNMT

TP. Tuyền Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang (đợt 2)

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 09/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 các huyện, thành phố; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh Tuyền Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang;*

*Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND thành phố Tuyền Quang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang;*

*Căn cứ Thông báo số 229/TB-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thông báo thu hồi đất công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyền Quang;*

*Căn cứ Biên bản họp xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ngày 09/8/2023 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố;*

Sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tại Tờ trình số 150/TTr-TTPTQĐ ngày 27/12/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyền Quang thu hồi đất, với những nội dung sau:



1. Thu hồi tổng diện tích **1.663,9** m<sup>2</sup> đất do tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại xã Kim Phú để thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, trong đó:

1.1. Diện tích, loại đất thu hồi phân theo hiện trạng sử dụng đất

a) Nhóm đất nông nghiệp: 1.404,7 m<sup>2</sup>, gồm:

- Đất chuyên trồng lúa nước: 1.377,5 m<sup>2</sup>

- Đất trồng cây lâu năm: 27,2 m<sup>2</sup>

b) Nhóm đất phi nông nghiệp: 259,2 m<sup>2</sup>, gồm:

- Đất ở tại nông thôn: 30,0 m<sup>2</sup>

- Đất thủy lợi: 229,2 m<sup>2</sup>

1.2. Diện tích, loại đất thu hồi phân theo đối tượng sử dụng đất

- Các hộ gia đình, cá nhân sử dụng: 1.420,7 m<sup>2</sup>.

- Tổ chức quản lý, sử dụng: 243,2 m<sup>2</sup>.

(Có Danh sách chi tiết kèm theo)

Ranh giới thu hồi đất được thể hiện cụ thể trên Bản đồ thu hồi đất xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Kim Phú đi Quốc lộ 37, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang (đợt 2) tỷ lệ 1/1000 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 27/12/2023 kèm theo.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố (Trình duyệt);
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Lưu: TNMT.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Văn Vượng**



**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỪ UBND XÃ KIM PHÚ ĐI QUỐC LỘ 37,  
XÃ KIM PHÚ, THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG - ĐỢT 2**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyền Quang)*

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất						Ghi chú
						Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			
						Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất cây lâu năm (CLN)		Đất tại nông thôn (ONT)	Đất thủy lợi (DTL)	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	13	17
	<b>TỔNG (I+II)</b>				<b>1,663.9</b>	<b>1,404.7</b>	<b>1,377.5</b>	<b>27.2</b>	<b>259.2</b>	<b>30.0</b>	<b>229.2</b>	
<b>I</b>	<b>HỘ GIA ĐÌNH</b>				<b>1,420.7</b>	<b>1,390.7</b>	<b>1,363.5</b>	<b>27.2</b>	<b>30.0</b>	<b>30.0</b>	<b>-</b>	
1	Hà Thị Hiền	Thôn 11, Kim Phú	33	2	12.3	12.3	12.3		-			
2	Vũ Thị Chín (Trần Văn Ngay)	Thôn 12, Kim Phú	110	1	104.8	104.8	104.8		-			
3	Tiêu Thị Chí	Thôn 12, Kim Phú	58	2	66.7	66.7	66.7		-			
4	Trần Hồng Ủy	Thôn 12, Kim Phú	62	2	55.9	25.9		25.9	30.0	30.0		
5	Hoàng Văn Chung	Thôn 8, Kim Phú	109	1	150.8	150.8	150.8		-			
6	Nông Thị Tháy (Tê Văn Huy)	Thôn 8, Kim Phú	15	2	3.3	3.3	3.3		-			
7	Ma Văn Hội (Nguyễn Thị Vân)	Thôn 8, Kim Phú	8	2	50.5	50.5	50.5		-			
			9	2	54.5	54.5	54.5		-			
8	Mai Thị Thu Trang	Tổ 9, An Tường	60	2	1.3	1.3		1.3	-			
9	Phạm Thị Đức (Đào Việt Toàn)	Thôn 10, Kim Phú	23	1	53.0	53.0	53.0		-			
10	Phạm Xuân Dân	Thôn 10, Kim Phú	24	1	15.6	15.6	15.6		-			
11	Nhữ Văn Luyện	Thôn 6, Kim Phú	5	2	126.6	126.6	126.6		-			
12	Nguyễn Hữu Sáu	Thôn 11, Kim Phú	57	2	60.1	60.1	60.1		-			
		Thôn 11, Kim Phú	59	2	41.1	41.1	41.1		-			
13	Phạm Thị Hải (chồng Nguyễn Văn Cát đã chết)	Thôn 10, Kim Phú	31	1	33.2	33.2	33.2		-			
14	Nguyễn Thị Nga (Nguyễn Minh Phương)	Thôn 11, Kim Phú	54	2	37.2	37.2	37.2		-			
		Thôn 11, Kim Phú	56	2	84.3	84.3	84.3		-			
15	Phạm Văn Hưng	Thôn 12, Kim Phú	2	2	46.9	46.9	46.9		-			
16	Phạm Văn Bình (Lê Thị Oanh)	Tổ 15, phường Tân Hà	2	1	24.5	24.5	24.5		-			
17	Trần Văn Dũng	Thôn 15, kim phú	105	1	43.5	43.5	43.5		-			
18	Vương Thị Dương (Hoàng Văn Sinh)	Thôn 15, kim phú	49	1	37.4	37.4	37.4		-			
19	Phạm Thanh Nga (Nguyễn Văn Vân)	Thôn 9, kim phú	13	1	41.2	41.2	41.2		-			



STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số tờ bản đồ thu hồi	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất						Ghi chú
						Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp			
						Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
							Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất cây lâu năm (CLN)		Đất tại nông thôn (ONT)	Đất thùy lợi (DTL)	
20	Trần Thị Thuận	Thôn 11, Kim Phú	94	1	29.8	29.8	29.8	-				
21	Nguyễn Thị Diu	Thôn 12, Kim Phú	51	2	123.6	123.6	123.6	-				
22	Phạm Văn Gòong	Thôn 7, Kim Phú	21	1	30.4	30.4	30.4	-				
23	Nông Văn Lân	Thôn 22, Kim Phú	112	1	60.2	60.2	60.2	-				
24	Nguyễn Thị Nam	Thôn 11, Kim Phú	45	2	32.0	32.0	32.0	-				
<b>II</b>	<b>TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG</b>				<b>243.2</b>	<b>14.0</b>	<b>14.0</b>		<b>229.2</b>	<b>229.2</b>		
1	UBND xã Kim Phú		1	97	14.0	14.0	14.0	-			Đất 5%	
				103	13.8	-		13.8		13.8		
				62	95.5	-		95.5		95.5		
				92	20.3	-		20.3		20.3		
				118	20.0	-		20.0		20.0		
				119	79.6	-		79.6		79.6		